

## **PHẦN C**

**TRÍCH CÁC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT CÓ  
LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ,  
LƯU TRỮ, CUNG CẤP VÀ KHAI THÁC SỬ DỤNG  
THÔNG TIN DỮ LIỆU ĐO ĐẠC VÀ BẢN ĐỒ**

## I. TRÍCH NGHỊ ĐỊNH SỐ 45/2015/NĐ-CP NGÀY 06 THÁNG 5 NĂM 2015 CỦA CHÍNH PHỦ VỀ HOẠT ĐỘNG ĐO ĐẠC VÀ BẢN ĐỒ.

### **Điều 22. Yêu cầu quản lý và khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ**

1. Việc quản lý, lưu trữ, cung cấp và khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ phải tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước, về sở hữu trí tuệ, về lưu trữ và theo các quy định của pháp luật có liên quan khác.

2. Chỉ được cung cấp và khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ dưới dạng bản sao hoặc phiên bản. Cơ quan có trách nhiệm cung cấp thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ phải đảm bảo nguồn gốc hợp pháp của bản sao hoặc phiên bản.

3. Thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cung cấp chỉ được sử dụng đúng mục đích khi yêu cầu cung cấp, không được sao lại hoặc chuyển nhượng cho tổ chức, cá nhân khác.

Trường hợp sử dụng thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ được cung cấp để thành lập các bộ dữ liệu thứ cấp với mục đích thương mại thì phải được sự đồng ý của cơ quan cung cấp.

4. Tổ chức, cá nhân phải nộp phí sử dụng thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí.

### **Điều 25. Cung cấp, khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ**

1. Thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ không thuộc phạm vi bí mật nhà nước được cung cấp cho cơ quan, tổ chức, cá nhân theo nhu cầu sử dụng.

2. Việc cung cấp thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ thuộc phạm vi bí mật nhà nước độ Mật cho cơ quan, tổ chức, công dân Việt Nam do cấp Cục trưởng (hoặc tương đương) ở các cơ quan, tổ chức ở Trung ương và Giám đốc Sở (hoặc tương đương) ở địa phương duyệt.

3. Thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ thuộc phạm vi bí mật nhà nước độ Tối mật chỉ được cung cấp khi có yêu cầu bằng văn bản của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh), Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước, người đứng đầu các cơ quan của Quốc hội, người đứng đầu các cơ quan của Trung ương Đảng, người đứng đầu tổ chức chính trị - xã hội.

4. Việc cung cấp thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ thuộc phạm vi bí mật nhà nước cho tổ chức, cá nhân nước ngoài phải được cấp có thẩm quyền duyệt cho phép theo quy định sau:

a) Văn bản xin phép cung cấp thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ thuộc phạm vi bí mật nhà nước độ Tối mật gửi đến Tổng cục An ninh - Bộ Công an để trình Bộ trưởng Bộ Công an duyệt (trừ lĩnh vực quốc phòng);

b) Văn bản xin phép cung cấp thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ thuộc phạm vi bí mật nhà nước độ Mật được gửi đến người đứng đầu hoặc người được ủy quyền của cơ quan, tổ chức ở Trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt.

5. Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định cụ thể về quản lý, cung cấp và khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ.

### **Điều 26. Thành lập, xuất bản và phát hành sản phẩm bản đồ**

Cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, tổ chức kinh tế và cá nhân được phép thành lập các thể loại sản phẩm bản đồ phù hợp với giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ được cấp; được quyền phổ biến sản phẩm của mình trên các phương tiện theo quy định của pháp luật; sản phẩm bản đồ thuộc diện bảo mật chỉ được xuất bản và phát hành tại cơ quan quản lý nhà nước về đo đạc và bản đồ để phục vụ mục đích dân dụng và tại Bộ Quốc phòng, Bộ Công an để phục vụ mục đích quốc phòng, an ninh.

### **Điều 27. Trao đổi quốc tế về thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ**

1. Các loại thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ, sản phẩm đo đạc và bản đồ thuộc phạm vi bí mật nhà nước không được trao đổi với nước ngoài, trong trường hợp cần thiết phải được phép của các cơ quan có thẩm quyền quyết định mức độ bí mật nhà nước được quy định tại Pháp lệnh bảo vệ bí mật nhà nước.

2. Tổ chức và cá nhân được trao đổi với nước ngoài các loại ấn phẩm bản đồ, thông tin địa lý đã xuất bản.

3. Tổ chức và cá nhân công bố, phổ biến ra nước ngoài thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ, sản phẩm đo đạc và bản đồ chưa xuất bản phải được phép của cơ quan quản lý nhà nước về đo đạc và bản đồ.

### **Điều 28. Xuất, nhập khẩu sản phẩm đo đạc và bản đồ**

1. Các loại sản phẩm đo đạc và bản đồ đã được xuất bản, lưu hành hợp pháp tại Việt Nam và không thuộc phạm vi bí mật nhà nước được phép xuất khẩu ra nước ngoài.

2. Nghiêm cấm nhập khẩu và lưu hành vào Việt Nam các sản phẩm đo đạc và bản đồ có nội dung vi phạm pháp luật dưới mọi hình thức.

## II. TRÍCH QUYẾT ĐỊNH 21/2013/QĐ-TTg NGÀY 24 THÁNG 12 NĂM 2013 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ VỀ DANH MỤC BÍ MẬT NHÀ NƯỚC ĐỘ TỐI MẬT TRONG LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG

**Điều 1. Danh mục bí mật nhà nước độ Tối mật trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường gồm những tin, tài liệu sau:**

4. Về đo đạc và bản đồ gồm:

a) Tọa độ các điểm cơ sở quốc gia hạng II trở lên tạo thành mạng lưới quốc gia hoàn chỉnh kèm theo các điểm ghi chú;

b) Tài liệu điều tra, khảo sát về đường biên giới quốc gia chưa được công bố.

## III. TRÍCH THÔNG TƯ 29/2013/TT-BCA NGÀY 10 THÁNG 5 NĂM 2013 QUY ĐỊNH DANH MỤC BÍ MẬT NHÀ NƯỚC ĐỘ MẬT TRONG LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

**Điều 1. Danh mục bí mật nhà nước độ Mật trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường bao gồm những tin trong phạm vi sau:**

5. Về đo đạc và bản đồ gồm:

a) Hệ thống số liệu gốc đo đạc quốc gia bao gồm: Tọa độ gốc trắc địa, tọa độ gốc thiên văn, tọa độ gốc vệ tinh, giá trị gốc trọng lực tuyệt đối, giá trị gốc độ cao, giá trị gốc độ sâu;

b) Phim, ảnh hàng không bao gồm phim, ảnh hàng không kỹ thuật số và sản phẩm quét phim, ảnh hàng không kèm theo số liệu xác định tọa độ tâm ảnh có số lượng từ liên kết bằng diện tích lớn hơn 200km<sup>2</sup> ở thực địa;

c) Bản đồ địa hình dạng giấy, dạng số và cơ sở dữ liệu nền địa lý các tỉ lệ 1:2.000, 1:5.000, 1:10.000, 1:25.000, 1:50.000, 1:100.000, có diện tích liên kết lớn hơn 200 km<sup>2</sup>;

d) Tài liệu đo đạc bản đồ của khu vực, mục tiêu, đối tượng trong diện bảo mật.

#### IV. TRÍCH THÔNG TƯ 48/2015/TT-BTNMT NGÀY 12 THÁNG 11 NĂM 2015 CỦA BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HƯỚNG DẪN QUẢN LÝ, LƯU TRỮ, CUNG CẤP VÀ KHAI THÁC SỬ DỤNG THÔNG TIN TƯ LIỆU ĐO ĐẠC VÀ BẢN ĐỒ.

##### **Điều 9. Thẩm quyền cung cấp thông tin tư liệu đo đạc và bản đồ**

1. Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam cung cấp, xác nhận nguồn gốc hợp pháp của thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ quy định tại khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6 và 8 Điều 21 Nghị định số 45/2015/NĐ-CP. Cụ thể như sau:

1. Thông tin, dữ liệu về hệ quy chiếu quốc gia.
2. Thông tin, dữ liệu về hệ thống số liệu gốc đo đạc quốc gia; hệ thống điểm đo đạc cơ sở quốc gia; dữ liệu từ các trạm định vị vệ tinh thường trực quốc gia.
3. Thông tin, dữ liệu về hệ thống không ảnh; dữ liệu quét laser địa hình.
4. Thông tin, dữ liệu về hệ thống bản đồ địa hình quốc gia, bản đồ nền, bản đồ địa chính cơ sở, bản đồ hành chính, át-lát địa lý quốc gia; thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ về biên giới quốc gia, địa giới hành chính các cấp.
5. Cơ sở dữ liệu địa lý quốc gia; dữ liệu về mô hình số độ cao.
6. Dữ liệu địa danh sử dụng trong hoạt động đo đạc và bản đồ.
8. Kết quả của các dự án, chương trình, đề tài nghiên cứu khoa học công nghệ trong lĩnh vực đo đạc và bản đồ; các thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ khác.

##### **Điều 10. Thủ tục cung cấp thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ**

1. Thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ không thuộc phạm vi bí mật nhà nước được cung cấp cho cơ quan, tổ chức, cá nhân theo nhu cầu sử dụng.
2. Thủ tục cung cấp thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ thuộc phạm vi bí mật nhà nước độ Mật theo quy định tại Khoản 2 Điều 25 Nghị định số 45/2015/NĐ-CP.
3. Thủ tục cung cấp thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ thuộc phạm vi bí mật nhà nước độ Tối mật theo quy định tại Khoản 3 Điều 25 Nghị định số 45/2015/NĐ-CP
4. Thủ tục cung cấp thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ thuộc phạm vi bí mật nhà nước cho tổ chức, cá nhân nước ngoài theo quy định tại Khoản 4 Điều 25 Nghị định số 45/2015/NĐ-CP.
5. Trình tự cung cấp thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ quy định như sau:
  - a) Người đến giao dịch với cơ quan cung cấp thông tin, dữ liệu phải xuất trình giấy chứng minh nhân dân, giấy giới thiệu của cơ quan, đơn vị (khi Bên yêu cầu cung cấp là tổ chức); điền đầy đủ thông tin và ký Phiếu yêu cầu cung cấp thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ được lập theo mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư này.

b) Khi nhận được thủ tục cung cấp thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ hợp lệ, cơ quan cung cấp thông tin, dữ liệu có trách nhiệm thực hiện việc cung cấp ngay trong ngày làm việc.

Nếu khối lượng thông tin, dữ liệu quá lớn mà không thể thực hiện việc cung cấp trong ngày thì cơ quan có trách nhiệm cung cấp phải thông báo cụ thể về thời gian cung cấp. Trường hợp từ chối cung cấp thông tin, dữ liệu, cơ quan có trách nhiệm cung cấp phải trả lời cho tổ chức, cá nhân biết rõ lý do.

c) Cơ quan cung cấp có trách nhiệm xác nhận nguồn gốc hợp pháp của thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ khi có yêu cầu theo mẫu số 02 ban hành kèm theo Thông tư này.

### **Điều 11. Cung cấp thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ trong các trường hợp đặc biệt khẩn cấp**

Trong trường hợp đặc biệt khẩn cấp, khi có công điện của Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thì cơ quan có thẩm quyền cung cấp thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ phải thực hiện ngay việc cung cấp. Việc hoàn tất hồ sơ, thủ tục theo quy định phải được thực hiện trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày cung cấp.

### **Điều 12. Quyền lợi và trách nhiệm của tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ**

1. Được khai thác sử dụng thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ vào hoạt động quản lý, sản xuất, kinh doanh và các mục đích khác theo quy định của pháp luật.
2. Không được mang ra khỏi lãnh thổ Việt Nam thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ thuộc loại Tối mật, loại Mật, loại không xuất bản trừ trường hợp đặc biệt được cơ quan có thẩm quyền quy định tại Pháp lệnh bảo vệ bí mật nhà nước cho phép.
3. Phải nộp phí sử dụng thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí.

V. TRÍCH THÔNG TƯ SỐ 196/2016/TT-BTC NGÀY 08 THÁNG 11 NĂM 2016 CỦA BỘ TÀI CHÍNH QUY ĐỊNH MỨC THU, CHẾ ĐỘ THU, NỘP, QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG PHÍ KHAI THÁC, SỬ DỤNG TƯ LIỆU ĐO ĐẠC VÀ BẢN ĐỒ.  
**BIỂU MỨC THU PHÍ KHAI THÁC VÀ SỬ DỤNG TƯ LIỆU ĐO ĐẠC - BẢN ĐỒ**  
(Ban hành kèm theo Thông tư số 196/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính)

Đơn vị tính: Đồng

STT	LOẠI TƯ LIỆU	ĐƠN VỊ TÍNH	MỨC THU PHÍ	GHI CHÚ
<b>I</b>	<b>Bản đồ in trên giấy</b>			
1	Bản đồ địa hình tỷ lệ 1/10.000 và lớn hơn	tờ	120.000	
2	Bản đồ địa hình tỷ lệ 1/25.000	tờ	130.000	
3	Bản đồ địa hình tỷ lệ 1/50.000	tờ	140.000	
4	Bản đồ địa hình tỷ lệ 1/100.000 và nhỏ hơn	tờ	170.000	
5	Bản đồ hành chính Việt Nam	bộ	900.000	
6	Bản đồ hành chính cấp tỉnh	bộ	300.000	
7	Bản đồ hành chính cấp huyện	bộ	150.000	
<b>II</b>	<b>Bản đồ số dạng Vector</b>			Nếu chọn lọc nội dung theo 7 lớp thông tin thì mức thu phí cho từng lớp như sau: a) Các lớp thông tin địa hình, dân cư, giao thông, thủy hệ: thu bằng 1/7 mức thu theo mảnh nhân với hệ số 1.2; b) Các lớp Cơ sở toán học, địa giới, thực vật: thu bằng 1/7 mức thu theo mảnh.
1	Bản đồ địa hình tỷ lệ 1/2.000	mảnh	400.000	
2	Bản đồ địa hình tỷ lệ 1/5.000	mảnh	440.000	
3	Bản đồ địa hình tỷ lệ 1/10.000	mảnh	670.000	
4	Bản đồ địa hình tỷ lệ 1/25.000	mảnh	760.000	
5	Bản đồ địa hình tỷ lệ 1/50.000	mảnh	950.000	
6	Bản đồ địa hình tỷ lệ 1/100.000	mảnh	2.000.000	
7	Bản đồ địa hình tỷ lệ 1/250.000	mảnh	3.500.000	
8	Bản đồ địa hình tỷ lệ 1/500.000	mảnh	5.000.000	
9	Bản đồ địa hình tỷ lệ 1/1.000.000	mảnh	8.000.000	
10	Bản đồ hành chính Việt Nam	mảnh	4.000.000	
11	Bản đồ hành chính cấp tỉnh	mảnh	2.000.000	
12	Bản đồ hành chính cấp huyện	mảnh	1.000.000	
<b>III</b>	<b>Bản đồ số dạng Raster</b>	Mức thu bằng 50% bản đồ số dạng vector cùng tỷ lệ		
<b>IV</b>	<b>Dữ liệu phim ảnh chụp từ máy bay</b>			
1	File chụp ảnh kỹ thuật số	file	250.000	
2	Phim quét độ phân giải 16 µm	file	250.000	
3	Phim quét độ phân giải 20 µm	file	200.000	
4	Phim quét độ phân giải 22 µm	file	150.000	
5	Bình đồ ảnh số tỷ lệ 1/2000	mảnh	60.000	
6	Bình đồ ảnh số tỷ lệ 1/5000	mảnh	60.000	
7	Bình đồ ảnh số tỷ lệ 1/10.000	mảnh	70.000	

STT	LOẠI TƯ LIỆU	ĐƠN VỊ TÍNH	MỨC THU PHÍ	GHI CHÚ
8	Bình đồ ảnh số 1/25.000	mảnh	70.000	
9	Bình đồ ảnh số 1/50.000	mảnh	70.000	
<b>V</b>	<b>Giá trị điểm tọa độ</b>			
1	Cấp 0	điểm	340.000	
2	Hạng I	điểm	250.000	
3	Hạng II	điểm	220.000	
4	Hạng III, hạng IV	điểm	200.000	
5	Địa chính cơ sở	điểm	200.000	
<b>VI</b>	<b>Giá trị điểm độ cao</b>			
1	Hạng I	điểm	160.000	
2	Hạng II	điểm	150.000	
3	Hạng III	điểm	120.000	
4	Hạng IV	điểm	110.000	
<b>VII</b>	<b>Giá trị điểm trọng lực</b>			
3.1	Điểm cơ sở	điểm	200.000	
3.2	Điểm hạng I	điểm	160.000	
3.3	Điểm tựa	điểm	140.000	
3.4	Điểm chi tiết	điểm	80.000	
<b>VIII</b>	<b>Ghi chú điểm tọa độ, độ cao, trọng lực</b>	tờ	20.000	
<b>IX</b>	<b>Cơ sở dữ liệu nền địa lý</b>			
1	Cơ sở dữ liệu nền địa lý tỷ lệ 1/2.000	mảnh	400.000	
2	Cơ sở dữ liệu nền địa lý tỷ lệ 1/5.000	mảnh	500.000	
3	Cơ sở dữ liệu nền địa lý tỷ lệ 1/10.000	mảnh	850.000	
4	Cơ sở dữ liệu nền địa lý tỷ lệ 1/50.000	mảnh	1.500.000	
5	Cơ sở dữ liệu nền địa lý tỷ lệ 1/1.000.000	mảnh	8.000.000	
6	Mô hình số độ cao độ chính xác cao xây dựng bằng công nghệ quét lidar đóng gói theo mảnh tỷ lệ 1/2.000 hoặc tỷ lệ 1/5.000	mảnh	200.000	
7	Mô hình số độ cao độ chính xác tương ứng với khoảng cao đều 0.5 mét đến 5 mét đóng gói theo mảnh tỷ lệ 1/2.000 hoặc tỷ lệ 1/5.000	mảnh	80.000	
8	Mô hình số độ cao độ chính xác tương ứng với khoảng cao đều 5 mét đến 10 mét đóng gói theo mảnh tỷ lệ 1/10.000	mảnh	170.000	
9	Mô hình số độ cao độ chính xác tương ứng với khoảng cao đều 5 mét đến 10 mét đóng gói theo mảnh tỷ lệ 1/50.000	mảnh	2.550.000	
10	Mô hình số độ cao độ chính xác tương ứng với khoảng cao đều 20 mét đóng gói theo mảnh tỷ lệ 1/50.000	mảnh	300.000	
11	Cơ sở dữ liệu địa danh	địa danh	20.000	